

SAMUEL HUNTINGTON, 1927-2008

FRANCIS FUKUYAMA. **Samuel Huntington, 1927-2008.**
The American Interest Online. December 29th, 2008.
<http://the-american-interest.com/contd/?p=688>

DƯƠNG ĐỖ
dịch

Giới thiệu: Samuel P. Huntington, học giả nổi tiếng người Mỹ, GS. Đại học Harvard, Chủ tịch Viện Hàn lâm Harvard nghiên cứu về quốc tế và khu vực, Giám đốc Trung tâm Quan hệ quốc tế và Chủ tịch Khoa nghiên cứu về chính phủ (Mỹ), vừa qua đời ngày 24/12/2008, hưởng thọ 81 tuổi. Ngay sau khi qua đời, Huntington đã được Francis Fukuyama, một học giả nổi tiếng không kém, đánh giá là “trong thời gian tới đây, chúng ta sẽ chẳng thấy được một người nào như ông”.



Với bạn đọc Việt Nam, Samuel P. Huntington không phải là người xa lạ. Từ giữa những năm 1990, qua các bản dịch của Viện Thông tin KHXH, nhiều tác phẩm của Huntington, đặc biệt, bài báo “Sự đung độ của các nền văn minh” mà ông công bố lần đầu trên tờ Foreign Affairs số 3/1993, đã được biết đến trước khi sự kiện 11/9/2001 làm cho tư tưởng của Huntington trở thành “hiện tượng”.

Samuel P. Huntington sinh năm 1927, lấy bằng tiến sĩ tại Đại học Harvard năm 1951. Những năm 1977 và 1978, ông làm việc ở Nhà trắng với tư cách là điều phối viên của Dự án an ninh cho Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ. Trong hai năm 1986-1987, ông là Chủ tịch Hội Khoa học Chính trị Mỹ. Ông còn là người sáng lập và là Tổng Biên tập trong bảy năm liền của tờ Tạp chí Foreign Policy. Là nhà nghiên cứu về chính trị và chiến lược, Huntington quan tâm nhiều đến các vấn đề an ninh quốc gia, dân chủ và sự phát triển ở những nước kém phát triển, văn hoá trong chính trị và bản sắc dân tộc của nước Mỹ...

Mặc dù không ít người vẫn bất đồng với quan điểm của Huntington, nhưng mới chỉ ít ngày từ lúc qua đời, về ông, đã có rất nhiều bài viết với thái độ ngưỡng mộ và khâm phục. Bài viết của Francis Fukuyama mà chúng tôi giới thiệu dưới đây có lẽ là bài sớm nhất đánh giá về thân thế và tư tưởng của Huntington.

Chọn đánh giá của Francis Fukuyama, GS. Đại học Johns Hopkins (Mỹ), học giả nổi tiếng khắp thế giới với tác phẩm “Sự tận cùng của lịch sử và con người cuối cùng” (The End of History and the Last Man, 1992), một cuốn sách đã nhận được nhiều giải thưởng quốc tế, được xuất bản tại hơn 20 nước trên thế giới, chúng tôi nghĩ rằng, đánh giá đó là đủ tin cậy.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Hồ Sĩ Quý, Tạp chí Thông tin KHXH

Thật đau buồn khi tôi biết tin Samuel Huntington qua đời vào đêm trước Lễ Giáng sinh. Ông là người thầy, người bạn và là thành viên nhiều năm của Ban biên tập tạp chí *The American Interest*. Tôi quen Huntington từ năm cuối lúc tốt nghiệp trường Harvard, khi ông vừa lui về sau nhiệm vụ ở Bộ Ngoại giao thời tổng thống Carter. Ông gần gũi các sinh viên cũ của mình hơn hầu hết các giáo sư khác qua các cuộc gặp gỡ hàng năm tại Câu lạc bộ Wianno Club on Cape Cod vào mỗi mùa hè và qua các cuộc hội thảo và hội nghị tại Trung tâm các vấn đề quốc tế do ông lãnh đạo nhiều năm tại Harvard.

Huntington dễ dàng được coi nhà khoa học chính trị lớn nhất của thế hệ ông. Ông nổi bật về sự uyên bác qua một loạt chủ đề mà ông đã viết và cái cách mà từng cuốn sách của ông trở thành tâm điểm tham chiếu quan trọng trong từng lĩnh vực: cuốn *Quân nhân và Nhà nước (The Soldier and State)* viết về các mối quan hệ dân sự - quân sự; cuốn *Phòng thủ chung (The Common Defense)* viết về chính sách quốc phòng; cuốn *Trật tự chính trị trong các xã hội đang biến đổi (Political order in Changing Societies)* và cuốn *Làn sóng thứ ba (The Third Wave)* về môn chính trị học so sánh; cuốn *Sự đụng độ giữa các nền văn minh (The Clash of Civilization)* về các mối quan hệ quốc tế; cuốn *Nền chính trị Mỹ: triển vọng về sự không hài hòa (American Politics: The Promise of Disharmony)* và cuốn *Chúng ta là ai? (Who are We?)* viết về nền

chính trị Mỹ^(*). Bằng sự uyên bác của bản thân và thông qua các sinh viên của mình, ông thực sự đã sáng tạo ra lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, một lĩnh vực mà trước ông chưa được nghiên cứu một cách nghiêm túc trong hầu hết các trường đại học.

Để tưởng nhớ sự ra đi của Sam^(**), tôi nghĩ mình nên tập trung vào một khía cạnh đặc thù trong sự uyên bác của ông, điều thể hiện trong công trình của ông về chính trị học so sánh. Cuốn *Trật tự chính trị trong các xã hội đang chuyển đổi* được xuất bản lần đầu năm 1968, có lẽ là cố gắng cuối cùng nhằm xây dựng một lý thuyết tổng quát về phát triển chính trị và đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong toàn bộ lĩnh vực này. Năm 1997, khi chọn sách giới thiệu trên tạp chí *Foreign Affairs*, tôi đã chọn cuốn *Trật tự chính trị* là một trong 5 cuốn sách hàng đầu về chính trị quốc tế đã được phát hành trong 75 năm qua. Có lẽ vì thế, Sam đã đề nghị tôi viết lời tựa cho lần tái bản ấn phẩm bìa mềm xuất bản vào năm 2006. Đó là vinh dự lớn mà

(*) Hầu hết tên sách của Samuel Huntington ở đây đều được Francis Fukuyama gọi tắt. Tên đầy đủ của những cuốn sách này là: *Quân nhân và nhà nước: Lý thuyết và quan điểm chính trị của quan hệ dân sự - quân đội* (1957), *Phòng thủ chung: Chương trình chiến lược trong chính trị quốc gia* (1961), *Trật tự chính trị trong các xã hội đang chuyển đổi* (1968), *Nền chính trị Mỹ: triển vọng sự không hoà hợp* (1981), *Làn sóng thứ ba: Dân chủ hoá cuối thế kỷ XX* (1991), *Sự đụng độ của các nền văn minh và trật tự thế giới* (1996), *Chúng ta là ai? Những thách thức đối với bản sắc dân tộc của nước Mỹ* (2004) (Tất cả chú thích trong bài là của người dịch).

(**) Tên gọi thân mật của Samuel Huntington.

tôi rất vui mừng tiếp nhận. Tôi xin trích dẫn lại những điều tôi đã nói trong lời tựa đó:

“Để hiểu được ý nghĩa sâu sắc của cuốn *Trật tự chính trị*, ta cần đặt nó vào bối cảnh các tư tưởng bao trùm những năm 1950 và đầu những năm 1960. Đó là thời kỳ vàng son của ‘Lý thuyết hiện đại hóa’, một tham vọng, có lẽ là lớn nhất của nước Mỹ muốn tạo ra một thứ lý thuyết kinh nghiệm, tổng hợp về sự biến đổi của xã hội loài người. Lý thuyết hiện đại hóa bắt nguồn từ các nhà lý luận xã hội châu Âu cuối thế kỷ XIX như Henry Maine, Émile Durkheim, Karl Marx, Ferdinand Tönnies và Max Weber. Các tác phẩm của các tác giả này đã xây dựng nên một loạt khái niệm nhằm miêu tả sự thay đổi các chuẩn mực xã hội và các quan hệ xã hội diễn ra khi xã hội loài người chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp (chẳng hạn như các khái niệm: Địa vị xã hội / Khế ước xã hội; Quan hệ cơ giới / Quan hệ hữu cơ; Cộng đồng / Xã hội; Quyên lực duy lý - Quyên lực quan liêu / Quyên lực xã hội). Dựa vào kinh nghiệm của các nước đã hiện đại hóa trước đó như Anh và Mỹ, các tác giả này, tìm cách phác họa nên các quy luật chung về sự phát triển xã hội.

“Lý thuyết xã hội châu Âu đã bị phá sản cả về nghĩa đen và nghĩa bóng sau hai cuộc chiến tranh thế giới; nhưng các tư tưởng do lý thuyết này sản sinh đã du nhập sang Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai trong khoa Chính trị học so sánh ở Đại học Harvard, tại Trung tâm nghiên cứu quốc tế MIT hoặc trong Ban Chính trị học so sánh thuộc Hội đồng nghiên cứu Khoa học xã hội. Lúc đó, các

khoa tại Đại học Harvard do Talcott Parsons lãnh đạo đi theo xu hướng của Weber hy vọng xây dựng được một môn khoa học xã hội thống nhất, liên ngành kết hợp trong nó các ngành khoa học chính trị, xã hội học, kinh tế học và nhân học.

“Từ cuối những năm 1940 đến đầu những năm 1960 là thời kỳ tan rã của các đế chế thực dân Châu Âu và xuất hiện cái được biết với cái tên là thế giới thứ ba hoặc thế giới đang phát triển, các nước mới độc lập khát khao hiện đại hóa và mong muốn đuổi kịp các ông chủ thực dân trước đây của họ. Những học giả như Edward Shils, Daniel Lerner, Lucian Pye, Gabriel Almond, David Apter và Walt Whitman Rostow đã xem tiến trình phát triển vô cùng quan trọng và là cơ sở nghiên cứu lý thuyết xã hội như là một cơ hội lớn để giúp các nước đang phát triển nâng cao mức sống và dân chủ hóa hệ thống chính trị của họ.

“Các nhà lý luận về hiện đại hóa đã đặt ra những chuẩn mực giá trị lớn cho hiện đại hóa và theo quan điểm của họ, những cái tốt đẹp của hiện đại hóa đều có xu hướng đồng hành với nhau. Phát triển kinh tế, biến đổi các quan hệ xã hội như đô thị hóa và phân rã các nhóm tộc hệ cơ bản, nâng cao và mở rộng các trình độ giáo dục, chuyển đổi chuẩn mực hướng tới các giá trị như ‘hoàn thiện’ và duy lý, thế tục hóa và phát triển các thiết chế chính trị dân chủ, tất cả đều được xem là một tổng thể phụ thuộc lẫn nhau. Phát triển kinh tế sẽ nuôi dưỡng giáo dục tốt hơn từ đó dẫn tới biến đổi giá trị, thúc đẩy nên chính trị hiện tại và cứ như vậy trong một chu trình hợp lý.

Cuốn *Trật tự chính trị trong các xã hội đang chuyển đổi* xuất hiện trên cái nền như vậy và thách thức trực diện các giả thuyết sau. Thứ nhất, Huntington lập luận rằng, sự suy vong về chính trị ít ra cũng giống như sự phát triển chính trị, và kinh nghiệm thực tế của các quốc gia mới độc lập là kinh nghiệm về tình trạng rối loạn ngày càng tăng về xã hội và chính trị. Thứ hai, ông gợi ý rằng những điều tốt đẹp của tính hiện đại thường vận động trái ngược nhau. Đặc biệt nếu huy động xã hội tiến nhanh hơn sự phát triển các thiết chế chính trị thì sẽ thất bại vì các tác nhân xã hội cảm thấy không có khả năng tham gia vào hệ thống chính trị. Điều đó dẫn đến một hoàn cảnh mà ông gọi là 'praetorianism' và là nguyên nhân dẫn đến các cuộc nổi dậy, các cuộc đảo chính quân sự, làm các chính phủ suy yếu hoặc kém về tổ chức. Phát triển kinh tế và phát triển chính trị không phải là những bộ phận của cùng một tiến trình hiện đại hóa mà giữa chúng không có đường nối ghép; phát triển chính trị có logic riêng của nó vì các thiết chế như các đảng phái chính trị hoặc các hệ thống luật pháp sẽ được tạo ra hoặc phát triển thành các hình thái phức tạp hơn.

Huntington đã rút ra một ý niệm thực tiễn từ các quan sát này, đó là trật tự chính trị tự nó đã là một cái tốt đẹp và sẽ không tự động phát triển vượt ra ngoài tiến trình hiện đại hóa. Thực ra là phải ngược lại: không có trật tự chính trị, thì cả phát triển kinh tế cũng như phát triển xã hội đều không thể tiến hành thành công được. Các thành tố khác nhau của hiện đại hóa cần được tiến hành theo chuỗi nối tiếp nhau. Tăng trưởng sớm trong tham dự chính trị - bao gồm cả các công việc như bầu

cử sớm - có thể phá vỡ các hệ thống chính trị còn đang mỏng manh. Điều này đặt nền tảng cho một chiến lược phát triển được gọi là 'chuyển tiếp quyền lực', qua đó một chế độ chuyên chính về hiện đại hóa sẽ đưa ra trật tự chính trị, quy tắc luật pháp và các điều kiện để phát triển kinh tế và xã hội thành công. Một khi các khối kết cấu này được đặt đúng vị trí, các mặt khác của xã hội hiện đại như dân chủ và sự tham gia của công dân sẽ có thể bổ sung được (Fareed Zakaria, học trò của Huntington, người viết cuốn *Tương lai của tự do - The Future of Freedom* vào năm 2003, đã cập nhật luận điểm này khi).

"Ý nghĩa cuốn sách của Huntington phải được nhìn nhận trên cái nền của những gì đang diễn ra trong chính sách đối ngoại của Mỹ vào thời gian nó được phát hành. Năm 1968 đã được ghi dấu bằng cuộc chiến tranh Việt Nam khi lực lượng quân đội phình lên đến nửa triệu và cuộc tấn công vào dịp Tết Mậu Thân đã phá vỡ niềm tin của công chúng Mỹ. Nhiều nhà lý luận hiện đại hóa hy vọng công trình nghiên cứu của họ sẽ mang những nội dung hữu ích cho chính sách của Mỹ; cuốn sách của Walt Rostow *Các giai đoạn tăng trưởng kinh tế (The Stages of Economic Growth)* là tài liệu hướng dẫn của tổ chức Phát triển quốc tế Mỹ (The Agency for International Development), một tổ chức tìm cách làm trung gian cho các quốc gia như Nam Việt Nam và Indonesia chống lại sự lôi kéo của chủ nghĩa cộng sản. Nhưng vào cuối những năm 60, đã chẳng có nhiều câu chuyện thắng lợi mà người Mỹ có thể đạt tới. Các chiến lược cạnh tranh với chủ nghĩa cộng sản và xây dựng nhà nước kiểu phương Tây ở Bắc và Nam

Việt Nam đã kết thúc với thất bại cuối cùng ở Nam Việt Nam.

Huntington đề xuất rằng đã có một cách khác để tiến tới, thông qua hiện đại hóa nền chuyên chế, một quan điểm đã đem lại nổi si nhục đối với ông trong bối cảnh phân cực rất lớn ở Mỹ vào cuối những năm 60. Nhưng đó lại chính xác là kiểu người lãnh đạo như Park Chung Hee ở Hàn Quốc, Tưởng Kinh Quốc ở Đài Loan, Lý Quang Diệu ở Singapore và Suharto ở Indonesia - những người đã đem lại cái gọi là 'Điều thần kỳ của châu Á', ngay cả khi Việt Nam vẫn đang là Cộng sản.

Có thể yên tâm nói rằng cuốn *Trật tự chính trị* cuối cùng đã loại bỏ lý thuyết hiện đại hóa. Nó là bộ phận của cuộc tấn công gọng kìm mà nửa kia của nó là sự chỉ trích của cánh tả cho rằng các lý thuyết gia về hiện đại hóa đã suy tôn mô hình phát triển xã hội kiểu Bắc Mỹ hoặc châu Âu thành một mô hình phổ biến cho loài người. Khoa học xã hội Mỹ đột nhiên thấy mất đi một lý thuyết bao trùm và bắt đầu chuyển dần sang phương pháp luận hiện nay về Balcan hóa".

Cuốn *Trật tự chính trị trong các xã hội đang chuyển đổi* là một trong những công trình sớm của Huntington và là công trình đã làm nên tâm vóc một nhà khoa học chính trị, nhưng nó vẫn chưa bằng cống hiến quan trọng cuối cùng của ông cho bộ môn chính trị học so sánh. Công trình của ông về quá độ dân chủ cũng trở thành một điểm tham chiếu thời kỳ sau kết thúc Chiến tranh Lạnh. Mỉa mai thay, luồng tác phẩm này lại bắt đầu bằng bài viết năm 1984 trên tạp chí *Political Science Quarterly* nhan đề *Phải chăng sẽ có nhiều quốc gia trở nên dân chủ hơn?* Khảo sát tình hình sau thời kỳ quá độ dân chủ ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Mỹ Latinh

vào những năm 1970 đầu những năm 1980, Huntington nhận xét rằng, trong tương lai gần, thế giới không chắc được thấy sự thay đổi chế độ chuyên chế do hoàn cảnh quốc tế và do điều kiện rủi ro về mặt cấu trúc. Điều này được viết đúng 5 năm trước khi bức tường Berlin sụp đổ. Tuy nhiên, ông nhanh chóng chuyển hướng sau khi chế độ cộng sản sụp đổ ở Đông Âu và viết cuốn *Làn sóng thứ ba*, một cuốn sách đã đặt tên cho toàn bộ thời kỳ này.

Tuy nhiên cuốn *Làn sóng thứ ba* viết về dân chủ hóa lại khác với nhiều cuốn khác trong lĩnh vực này, nó chú ý cả tới những tác động của dân chủ (như trong loạt tác phẩm Schmitter- O'Donnell-Whitehead) và cả tới các điều kiện về cấu trúc và tính ổn định của nền dân chủ (như trong truyền thống từ Lipset qua Pzeworski). Sam lưu ý rằng đã có rất nhiều thay đổi theo kiểu *Làn sóng thứ ba* diễn ra tại các quốc gia có nền văn hóa Cơ đốc giáo, một nền tảng tôn giáo khác biệt, sang mô hình dân chủ hóa vào cuối thế kỷ XX. Đặc biệt thế giới công giáo đã bắt kịp những người chủ xướng đầu tiên của đạo Tin lành, các xã hội công giáo đã đến sau trong cuộc cách mạng tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên *Làn sóng thứ ba* không phải là cách thể hiện của một tiến trình hiện đại hóa rộng lớn hơn giữa các nền văn hóa, tiến trình cuối cùng sẽ bao quát tất cả các xã hội, nhưng là một tiến trình có cội rễ trong một hệ thống đặc thù các giá trị văn hóa thừa kế từ cơ đốc giáo phương Tây.

Mặc dù không biểu hiện rõ rệt vào thời kỳ đó, nhưng cuốn *Làn sóng thứ ba* đã đưa ra những lập luận này với nhiều vấn đề trước khi được lập lại chi tiết hơn trong cuốn *Sự đụng độ giữa các nền văn minh* và cuốn *Chúng ta là ai?* cũng như

trong cuốn *Những vấn đề văn hóa (Cultural Matters)* mà ông và Larry Harrison phát hành. Có lẽ ngay cả khi cự tuyệt với lý thuyết hiện đại hóa, lý thuyết đã làm ông nổi tiếng trong *Trật tự chính trị*, Huntington vẫn thật sự tin tưởng vào sự bền vững của các giá trị văn hóa và vai trò quan trọng của tôn giáo như là một khuôn mẫu định hình nên quá trình phát triển chính trị quốc gia cũng như các mối quan hệ quốc tế. Trước vấn đề này, toàn cầu hóa chỉ là một lực lượng bề ngoài, được tạo nên một cách hời hợt bởi “những kẻ Davos” (Davos men) - những người tham gia diễn đàn quốc tế Davos, do vậy sẽ không đảm bảo kết thúc trong hòa bình và thịnh vượng. Và, Hoa Kỳ đã không trở thành đại diện cho đội quân tiên phong của phong trào dân chủ toàn thế giới; mà lẽ ra, điều đó có thể đã thành công nhờ có nguồn gốc từ một xã hội “Tin lành - Anh giáo”. Những cố gắng cuối cùng về học thuật của ông trước khi ông qua đời đã tập trung vào tác động của tôn giáo đối với nền chính trị của thế giới.

Tôi không đồng ý với Sam về nhiều điểm trong các vấn đề này. Trong khi tôi hoàn toàn đánh giá cao sức mạnh và tính lâu bền của văn hóa cùng với cái cách mà nền dân chủ tự do hiện đại bắt rễ vào các giá trị văn hóa cơ đốc giáo, thì dường như đối với tôi lúc nào cũng vậy, văn hóa luôn có ích khi lý giải về nguồn gốc hơn là độ bền của nền dân chủ với tính cách là một hệ thống chính trị. Theo quan điểm của tôi, Sam đã đánh giá thấp tính phổ biến của sức thu hút về cuộc sống trong các xã hội tự do, hiện đại với các chính phủ chịu trách nhiệm. Lập luận của ông vẫn nặng về quan

niệm cho rằng hiện đại hóa và Phương Tây hóa là hai quá trình hoàn toàn khác biệt, cái mà tôi khá hoài nghi. Bức tranh u ám mà ông vẽ nên về một thế giới bị xâu xé bởi xung đột văn hóa là bức tranh mà những người dân tộc chủ nghĩa Nga và Hồi giáo ưa chuộng, nhưng lại ít có ích khi lý giải về Trung Quốc hay Ấn Độ hiện nay, hoặc lý giải các động cơ của dân chúng không theo đạo hồi hoặc không theo chủ nghĩa dân tộc trong thế giới Hồi giáo và Nga. Các nhà nước - dân tộc không thuộc các nền văn minh cũng vẫn là những tác nhân chủ chốt trong nền chính trị thế giới, họ thường bị thôi thúc bởi rất nhiều lợi ích và quyền lợi, chứ không đếm xỉa đến các khuynh hướng văn hóa được thừa kế.

Mặc dù vậy, các luận điểm của Sam vẫn luôn có một sức mạnh lớn lao, thông tuệ và có sức thuyết phục. Thậm chí có ai đó không nhất trí với ông vẫn không thể không xem xét các luận điểm của ông một cách nghiêm túc nhất. Các luận điểm của ông đã cung cấp từ vựng và cấu trúc cho tất cả các cuộc luận đàm sau này về nhiều vấn đề, dù là nền chính trị Mỹ, chính sách quốc phòng, quá độ dân chủ hay bản sắc Mỹ. Ngoài các công trình văn bản, ông còn là người thầy lớn và đã sản sinh ra một thế hệ học trò thật sự tạo dựng lại tất cả các lĩnh vực của khoa học chính trị. Từ các bài viết đầu tiên đến các công trình cuối cùng, ông đều đưa ra những lời phê phán mạnh mẽ, đó là dấu ấn của một học giả đã nói lên những điều quan trọng và cơ bản.

Có thể hoàn toàn tin rằng trong thời gian tới đây, chúng ta sẽ chẳng thấy được một người nào như ông.